

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Quế và ông Nguyễn Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 02/5/2024, nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày: Hôn nhân giữa chị và anh T là do cha mẹ hai bên định đoạt nên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị G yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 đứa con chung tên Hồ Thị Huyền Trang, sinh ngày 17/7/2004. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Hồ Văn T vắng mặt.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T là vợ chồng. Về con chung: Chị G và anh T có 01 đứa con chung tên Hồ Thị Huyền Trang, sinh ngày 17/7/2004. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được. và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Trần Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T, có nơi cư trú tại ấp B, xã V, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định

tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị G yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tuy anh chị chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp và qua xác minh tại UBND xã Vĩnh, xác nhận từ năm 2003 cho đến nay chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Xương. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T có 01 đứa con chung tên Hồ Thị Huyền Trang, sinh ngày 17/7/2004. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được. Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T vắng mặt nên HĐXX không xem xét về tài sản chung của anh chị. Nếu anh T chứng minh được vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung thì anh có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Chị Trần Thị G và anh Hồ Văn T có 01 đứa con chung tên Hồ Thị Huyền Trang, sinh ngày 17/7/2004. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trần Thị G không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007993 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan